

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ P  
TỈNH BÌNH THUẬN**

Bản án số: 14/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30/3/2022

V/v: “Ly hôn, nuôi con chung”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P-TỈNH BÌNH THUẬN**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Lê Phong

2. Bà Lưu Thị Thôi

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Thảo Nguyên - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố P.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Mỹ Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự về Hôn nhân gia đình thụ lý số: 299/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2021 về “Ly hôn, nuôi con chung, chia tài sản chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Trang D, sinh năm 1979

Địa chỉ: khu phố 5, phường Đức N, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

**Bị đơn:** Ông Võ Văn T, sinh năm 1978

Địa chỉ: thôn Xuân Tài, xã Phong N, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa, có mặt nguyên đơn và bị đơn.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 17/6/2021, bản khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Trang D trình bày: bà và Ông Võ Văn T, tự nguyện tìm hiểu, sống chung không đăng ký kết hôn, thời gian đó ông T chưa ly hôn vợ, sau này vì nhiều lý do đến nay bà và ông T vẫn chưa đăng ký kết hôn với nhau. Bà và ông T sống chung từ năm 2015, đến năm 2017 tự sống riêng. Trong quá trình chung sống, bà và ông T chỉ hạnh phúc thời gian ngắn do tính cách không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã. Nay bà xác định tình cảm không còn đủ mạnh ai nấy sống nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận bà và ông T không phải là vợ chồng.

Về con chung: Bà và ông T có một con chung là Võ Nguyễn Thanh K (giới tính: nam), sinh ngày 14/12/2015, nguyện vọng của bà muốn được trực tiếp nuôi con, bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Trước đây, ngày 12/10/2017 bà và ông T tự làm bản thỏa thuận nuôi con nhưng không được như thỏa thuận về việc chăm sóc con, quá trình nuôi dưỡng; bắt đầu từ tháng 4/2021 ông T không cho bà vào nhà thăm con và không cho bà chở con đi chơi. Càng về sau ông T

càng không tạo điều kiện cho bà được thăm con, thậm chí vào ngày 05/7/2021 bà không được vào nhà thăm, bà bức xúc nên hôm sau có nhờ hàng xóm xác nhận dùm việc bà không được vào thăm hoặc được chở con đi chơi, sau đó ngày 06/7/2021 bà có gởi đơn lên Công an xã Phong N để trình báo về sự việc trên.

Ngày 12/01/2022 bà với ông Txảy ra mâu thuẫn cũng việc ông không tạo điều kiện cho thăm con. Ngày 27/01/2022 tại Nhà văn hóa thôn Xuân Tài, xã Phong N có thành phần BDH thôn lập biên bản, ông T đã không thực hiện như biên bản các bên đã lập, đến tận hôm nay tình hình vẫn không thay đổi nên bà tha thiết yêu cầu Tòa án giao cho bà quyền được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc con ruột của bà. Ngoài ra ông Thiện nay đi làm xa nhà, không thể thu xếp việc chăm nom con chu đáo, ông T giao con cho chị ruột ông T là bà H chăm sóc, bà H là cô ruột nhưng bị tật nguyền và điều kiện ăn ở của con không được đảm bảo vệ sinh (Bà có gởi 14 tấm hình ghi lại nơi ăn ở của bé K, dấu vết bé bị đòn roi và cảnh mẹ con bà gặp nhau qua cánh cổng).

Về tài sản chung: Trước đây bà có yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, bà đã có đơn rút yêu cầu giải quyết về tài sản.

Về nợ chung: không có.

*Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn Ông Võ Văn T trình bày:* ông nghe rõ phần trình bày của bà D, về yêu cầu không công nhận ông và bà D là vợ chồng ông đồng ý, yêu cầu Tòa án công nhận cho ông và bà D không phải là vợ chồng.

Về yêu cầu trực tiếp nuôi con chung tên Võ Nguyễn Thanh K (giới tính: nam), sinh ngày 14/12/2015 ông có ý kiến: khi sinh con ra ông và bà D đã không sống cùng nhau vì ông chưa giải quyết ly hôn với vợ là bà Nguyễn Thị H, ngày 24/3/2016 ông mới được Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Ông và bà D vẫn không sống chung vì khi có con chung và đã ly hôn ông và bà D vẫn không đăng ký kết hôn, trước đây bé K mang họ mẹ, Nguyễn Võ Thanh K sau đó ông và bà D tiến hành xác định DNA có Phiếu kết quả xét nghiệm ngày 02/11/2016 xác định bé K là con ruột của ông và ông hoàn tất thủ tục đổi họ từ họ “Nguyễn” sang họ “Võ”, lúc này bà D vẫn đang trực tiếp nuôi bé. Ngày 12/10/2017 ông và bà D làm biên bản thỏa thuận về việc “ Giao con và giao tài sản là đất-nhà ở”, ngày 16/12/2017 ông và bà D hoàn tất việc giao con cho ông trực tiếp nuôi dưỡng, giao tiền nhiều lần do bà D yêu cầu. Trước đây theo thỏa thuận phải đến tháng 12/2018 ông mới giao đủ tiền và ông đã giao đủ 500.000.000đ để bà D dọn đi, giao nhà cho ông. Bắt đầu năm 2018 ông trực tiếp nuôi con, bà D vẫn thăm con bình thường, bà D có lên ngủ với con khi con bệnh. Nay bà D gởi đơn yêu cầu Tòa án giải quyết để được trực tiếp nuôi con ông không đồng ý vì ông nuôi con tốt, bé học hành bình thường, bé đang học lớp 1A trường Tiểu học Phong N, công việc của ông ổn định, ông cảm thấy việc ông tiếp tục nuôi con là phù hợp vì ông có đủ điều kiện hơn bà D về mọi mặt.

Về tài sản chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P có quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

- Về tố tụng: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, Bị đơn, đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

- Về nội dung vụ án: Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc không công nhận vợ chồng và về con chung.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bà Nguyễn Thị Trang D khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung, chia tài sản chung. Bị đơn Ông Võ Văn T có địa chỉ cư trú tại thôn Xuân Tài, xã Phong N, thành phố P. Do đó, đây là vụ án tranh chấp về “Ly hôn, nuôi con chung, chia tài sản chung” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 10/5/2021 Văn phòng Luật sư Ngọc K có gửi văn bản số 05/CV-VPLS về việc đề nghị ghi nhận người bảo vệ; ngày 24/02/2022 Tòa án có nhận được văn bản của Luật sư Nguyễn Văn K đề nghị thôi ghi nhận người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trong vụ án này nên HĐXX không triệu tập tham gia trong quá trình xét xử.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: năm 2015 Bà Nguyễn Thị Trang D và Ông Võ Văn T chung sống với nhau, ông bà có 01 con chung tên Võ Nguyễn Thanh K (giới tính: nam), sinh ngày 14/12/2015, ông bà không đăng ký kết hôn. Do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên ông bà không còn sống chung từ năm 2017. Nay bà D xác định tình cảm giữa ông bà không còn nên bà làm đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với Ông Võ Văn T, ông T đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà D nhưng do ông bà không đăng ký kết hôn nên yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, HĐXX thấy rằng: bà D, ông T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2015 cho đến năm 2017 có 01 con chung và có đủ điều kiện để kết hôn nhưng ông bà không đến các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, vì vậy căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình để tuyên bố không công nhận quan hệ giữa Bà Nguyễn Thị Trang D và Ông Võ Văn T là quan hệ vợ chồng.

[2.2] Về con chung: bà D, ông T xác nhận có 01 con chung là Võ Nguyễn Thanh K (giới tính: nam), sinh ngày 14/12/2015. Bà D và ông T đều có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu về việc cấp dưỡng nuôi con.

Theo khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình “Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên

trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”.

Xét về điều kiện nuôi dưỡng của các bên, hiện nay Bà Nguyễn Thị Trang D có công việc ổn định với mức thu nhập trung bình khoảng 14.000.000 đồng/tháng, bà D cung cấp 01 Hợp đồng thuê nhà nguyên căn tại phường Phú Tài, thành phố P. Ông Võ Văn T là Công chức địa chính tại UBND phường MN, có thu nhập và nhà ở tại xã Phong Nẫm, thành phố P.

Bà D và ông T đều có thu nhập và nơi ở ổn định. Tuy nhiên, tại “Biên bản lấy lời khai” ngày 18/02/2022, bé Võ Nguyễn Thanh K trình bày ông T không cho phép bé gặp bà D và tại “Biên bản xác minh” ngày 22/3/2022 tại Trường Tiểu học Phong Nẫm, thể hiện bé Khôi rụt rè, tiếp thu chậm, có vẻ ít được cha mẹ quan tâm và mẹ bé không được đưa đi đón về do cha bé không đồng ý. Ngoài ra bà D cung cấp thêm một số tài liệu chứng cứ về nơi ăn chốn ở của con chung, thái độ, hành vi của người đang trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con chung của ông bà, bà bức xúc vì ông T không tạo điều kiện cho bà thăm gặp chăm sóc con dẫn đến bé không thể nhận được đầy đủ tình thương của cả cha mẹ, mặt khác bà cam kết nếu bà được trực tiếp nuôi con bà sẽ tạo điều kiện hết mức có thể để con chung của ông bà vẫn nhận được tình cảm từ cha ruột.

Để bảo vệ quyền và nghĩa vụ của cha mẹ và con, HĐXX quyết định giao con chung Võ Nguyễn Thanh K cho Bà Nguyễn Thị Trang D trực tiếp nuôi dưỡng cùng với ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát thành phố P là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà D không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: trong đơn khởi kiện bà D có yêu cầu tranh chấp về tài sản, trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 08/02/2022, bà D có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản nên HĐXX đình chỉ yêu cầu giải quyết về tranh chấp tài sản.

[2.4] Về nợ chung: bà D, ông T đều khai không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí xin ly hôn theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 58, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Trang D về việc “Ly hôn, nuôi con chung”.

- Về quan hệ hôn nhân: không công nhận quan hệ hôn nhân giữa Bà Nguyễn Thị Trang D và Ông Võ Văn T là quan hệ vợ chồng.

- Về con chung: Ông Võ Văn T giao con chung là Võ Nguyễn Thanh K (giới tính: nam), sinh ngày 14/12/2015 cho Bà Nguyễn Thị Trang D trực tiếp nuôi

dưỡng. Bà Nguyễn Thị Trang D không yêu cầu Ông Võ Văn T cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Người không được trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con, yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con sau này theo quy định tại Điều 83, Điều 84 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015.

2. Đình chỉ yêu cầu tranh chấp về tài sản của Bà Nguyễn Thị Trang D.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Trang D phải chịu 300.000 đồng án phí Dân sự về Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Ngày 25/6/2021 bà D đã nộp 6.550.000 đồng tạm ứng án phí do Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P thu theo biên lai số 0004098, nay chuyển 300.000 đồng sang án phí. Hoàn trả cho bà D số tiền tạm ứng án phí còn lại là 6.250.000 đồng khi bản án có hiệu lực pháp luật.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND TP. P;
- Chi cục THADS TP. P;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Bích Ngọc**

